

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG  
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**

Ngày 31 tháng 08 năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: Ngày 04/09/2008

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU                                                                                             | KỲ BÁO CÁO<br>Ngày 31/08/2008 | KỲ BÁO CÁO<br>Ngày 31/07/2008 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| I   | Giá trị tài sản ròng đầu kỳ                                                                          | 1,922,640,528,909             | 1,801,993,934,915             |
| II  | Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ                                                 | 272,603,698,477               | 120,646,593,994               |
|     | Trong đó                                                                                             |                               |                               |
| 1   | Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ         | 272,603,698,477               | 120,646,593,994               |
| 2   | Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ | -                             | -                             |
| 3   | Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc góp vốn của các nhà đầu tư trong kỳ                    | -                             | -                             |
| III | Giá trị tài sản ròng cuối kỳ                                                                         | 2,195,244,227,386             | 1,922,640,528,909             |

Tp.HCM, ngày 04 tháng 09 năm 2008

Ngân Hàng Giám Sát  
Giám Đốc

Công ty Quản lý Quỹ  
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CP CAO SU TÂY NINH (TRC)

BÁO CÁO TÀI SẢN

CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Ngày 31 tháng 08 năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: Ngày 04/09/2008

Đơn vị tính: VNĐ

| STT   | TÀI SẢN                                              | KỲ BÁO CÁO<br>Ngày 31/08/2008 | KỲ BÁO CÁO<br>Ngày 31/07/2008 |
|-------|------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 1     | Tiền                                                 | 303,716,558,752               | 400,124,010,305               |
| 2     | Các khoản đầu tư                                     | 1,795,852,723,087             | 1,427,502,075,033             |
| 2.1   | Trái phiếu                                           | 308,295,490,248               | 328,830,853,110               |
| 2.2   | Cổ phiếu                                             | 1,487,557,232,839             | 1,098,671,221,923             |
| 2.2.1 | CP niêm yết                                          | 804,595,816,700               | 546,628,892,900               |
| 2.2.2 | CP chưa niêm yết                                     | 682,961,416,139               | 552,042,329,023               |
| 3     | Cổ tức được nhận                                     | 3,586,909,200                 | 2,952,401,600                 |
| 4     | Lãi được nhận                                        | 13,423,790,651                | 14,242,037,372                |
| 4.1   | Lãi trái phiếu                                       | 10,440,407,000                | 8,210,761,000                 |
| 4.2   | Lãi TGNH                                             | 2,983,383,651                 | 6,031,276,372                 |
| 5     | Tiền bán chứng khoán chờ thu                         | 19,238,293,400                | 3,506,400                     |
| 6     | Các khoản phải thu khác                              | -                             | -                             |
| 7     | Các tài sản khác                                     | 81,500,000,000                | 81,500,000,000                |
|       | TỔNG TÀI SẢN                                         | 2,217,318,275,090             | 1,926,324,030,710             |
|       | CÁC KHOẢN NỢ                                         |                               |                               |
| 8     | Tiền phải thanh toán mua chứng khoán                 | 17,611,265,000                | -                             |
| 9     | Các khoản phải trả khác                              | 4,462,782,704                 | 3,683,501,801                 |
| 9.1   | Phí quản lý quỹ                                      | 3,665,215,593                 | 3,210,072,009                 |
| 9.2   | Phí lưu ký, giám sát                                 | 219,912,936                   | 192,604,321                   |
| 9.3   | Thù lao BDD                                          | 54,000,000                    | 54,000,000                    |
| 9.4   | Phí môi giới CK                                      | 347,171,209                   | 50,342,505                    |
| 9.5   | Thuế của cổ tức phải trả hộ cho NĐT                  | 44,751,966                    | 44,751,966                    |
| 9.6   | Thuế của Phí mgới phải trả hộ cho người mgới         | 2,331,000                     | 2,331,000                     |
| 9.7   | Thuế của Phí mgới phải trả hộ cho người mgới         | 5,400,000                     | 5,400,000                     |
| 9.8   | Thuế của Phí mgới bán EXB phải trả hộ cho người mgới | 6,000,000                     | 6,000,000                     |
| 9.9   | Cổ tức Ngân hàng Quân Đội Ptrả cho người mua         | 100,000,000                   | 100,000,000                   |
| 9.10  | Ptrả Vina Café Bien Hòa tiền chuyển nhằm             | 18,000,000                    | 18,000,000                    |
| 10    | Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1                   | -                             | -                             |
|       | TỔNG NỢ                                              | 22,074,047,704                | 3,683,501,801                 |
|       | TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ                                 | 2,195,244,227,386             | 1,922,640,528,909             |
| 11    | Tổng số đơn vị quỹ                                   | 100,000,000                   | 100,000,000                   |
| 12    | Giá trị của một đơn vị quỹ                           | 21,952                        | 19,226                        |

Ngân hàng Giám sát

Phụ trách bộ phận giám sát

Giám đốc

Người lập biểu

Công ty Quản Lý Quỹ

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN T.H.HẠNH

NGUYỄN M.Đ KHÁNH

TRẦN THANH TÂN

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**  
**CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**  
Tháng 08 năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam  
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)  
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1  
4 Ngày lập báo cáo: Ngày 04/09/2008

| STT | CHỈ TIÊU                                                                            | KỲ BÁO CÁO<br>Tháng 08/2008 | KỲ BÁO CÁO<br>Tháng 07/2008 | LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM<br>2008 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| I   | Thu nhập từ hoạt động đầu tư                                                        | 11,837,581,302              | 45,308,769,211              | 161,125,181,688           |
| 1   | Cổ tức được nhận                                                                    | 4,607,942,450               | 37,209,761,600              | 118,320,214,918           |
| 2   | Lãi được nhận                                                                       | 7,229,638,852               | 8,099,007,611               | 42,804,966,770            |
| 2.1 | Lãi TGNH                                                                            | 4,999,992,852               | 5,869,354,611               | 25,057,852,637            |
| 2.2 | Lãi trái phiếu                                                                      | 2,229,646,000               | 2,229,653,000               | 17,747,114,133            |
| 3   | Thu nhập khác                                                                       | -                           | -                           | -                         |
| II  | Chi phí                                                                             | 4,023,224,244               | 4,625,592,669               | 36,765,371,170            |
| 1   | Phí quản lý quỹ                                                                     | 3,665,215,593               | 3,210,072,009               | 32,399,572,450            |
| 2   | Phí lưu ký, giám sát                                                                | 219,912,936                 | 192,604,321                 | 1,943,974,348             |
| 3   | Các loại chi phí khác                                                               | 138,095,715                 | 1,222,916,339               | 2,421,824,372             |
| III | Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)                                            | 7,814,357,058               | 40,683,176,542              | 124,359,810,518           |
| IV  | Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư                                                        | 264,789,341,419             | 79,963,417,452              | (1,646,257,114,246)       |
| 1   | Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư                                      | 10,399,257,808              | -                           | (262,197,270,034)         |
| 1.1 | Lãi từ kinh doanh cổ phiếu                                                          | 10,399,257,808              | -                           | (262,197,270,034)         |
| 1.2 | Lãi từ kinh doanh trái phiếu                                                        | -                           | -                           | -                         |
| 2   | Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ                                   | 254,390,083,611             | 79,963,417,452              | (1,366,734,844,211)       |
| 2.1 | Đã niêm yết                                                                         | 142,831,260,357             | 81,153,660,515              | (820,688,025,825)         |
| 2.2 | Chưa niêm yết                                                                       | 132,094,186,116             | (3,984,835,925)             | (520,618,934,634)         |
| 2.3 | Trái phiếu                                                                          | (20,535,362,862)            | 2,794,592,862               | (25,427,883,752)          |
| 3   | Ghi nhận quyền phát hành thêm cp                                                    | -                           | -                           | (17,325,000,000)          |
| V   | Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV) | 272,603,698,477             | 120,646,593,994             | (1,521,897,303,728)       |

Ngân hàng giám sát

Phụ trách  
bộ phận giám sát

Giám đốc

Công ty Quản lý Quỹ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

NGUYỄN T.H HẠNH      NGUYỄN M.Đ KHÁNH      TRẦN THANH TÂN

274,925,446,473  
274,925,446,473  
-